

Số: 560 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 24/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;

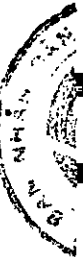
Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/5000 Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;

Căn cứ Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bắc sông Cấm đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm đã được Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Văn bản số 44/BXD-QHKT ngày 10/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 333-TB/TU ngày 21/12/2017, Thông báo số 386-TB/TU ngày 28/02/2018 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;



Xét kết quả thẩm định và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 55/TTr-SXD ngày 15/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

2. Vị trí, phạm vi và ranh giới:

a) Vị trí: Khu vực nghiên cứu nằm chủ yếu về phía bờ Bắc sông Cẩm và một phần phía Nam sông, trong khu vực địa giới hành chính xã Hoa Động, Tân Dương, Dương Quan của huyện Thủy Nguyên, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng và phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền.

b) Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi ranh giới theo báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 24/6/2016.

c) Ranh giới:

- Phần tả ngạn sông Cẩm thuộc huyện Thủy Nguyên:

+ Phía Đông giáp Khu đô thị, dịch vụ và công nghiệp VSIP;

+ Phía Tây giáp tỉnh lộ 359;

+ Phía Nam giáp sông Cẩm;

+ Phía Bắc giáp trục đường chính Đông Tây.

- Phần hữu ngạn sông Cẩm thuộc quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền:

+ Phía Đông giáp khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

+ Phía Tây giáp đường Bến Bính;

+ Phía Nam giáp đường Thất Khê;

+ Phía Bắc giáp sông Cẩm.

3. Quy mô:

a) Quy mô diện tích: Khoảng 324ha, trong đó diện tích thuộc huyện Thủy Nguyên là 318,17ha; diện tích thuộc quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền là 5,83ha.

b) Quy mô dân số: Khoảng 17.500 người.

4. Tính chất - chức năng: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cẩm hiện đại, đồng bộ.

5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

Các nội dung điều chỉnh chính gồm:

- Nắn chỉnh tuyến đường trục Đông Tây vòng tránh qua Nghĩa trang nhân dân Bến Bình, tạo ra không gian quảng trường phía trước Tòa nhà Trung tâm Hành chính - chính trị thành phố vuông vắn, thuận tiện, khoa học.

- Bổ sung tuyến đường ven sông Cẩm, hướng tuyến song song với kè sông Cẩm và cách mép kè sông Cẩm khoảng 40m.

- Điều chỉnh cao độ đường đê Tả sông Cẩm (đoạn Km23+000 đến Km25+000) từ +4,6m xuống thành +2,6m (cao độ Lục địa), xây dựng bức tường đê như đường đê ven sông Hồng, Hà Nội.

- Các tuyến đường đấu nối với các trục đường điều chỉnh, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên đường và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác như san nền, hầm đi bộ, cầu kiêm cống, kè hồ điều hòa, kè sông Cẩm, đường dây, đường ống kỹ thuật điều chỉnh theo các nội dung trên.

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) Cốt nền xây dựng (theo cao độ Lục địa):

- Cốt nền xây dựng khu vực phía trong đê sông Cẩm: $\geq +2,61\text{m}$;

- Cốt nền xây dựng khu vực phía ngoài đê sông Cẩm: Khu vực công viên cây xanh: +2,3m; khu vực không gian tiếp cận mặt nước theo cao độ hiện trạng: +0,6 ÷ +1,6m;

b) Thoát nước mặt:

- Phương án thoát nước: thoát nước mặt và nước thải tách riêng.

- Hướng thoát: Từ hệ đường ống đến hệ thống kênh dẫn nước và hồ điều hòa qua cống ngăn triều (Bính Động, Tân Hoa, Tân Dương), 02 trạm bơm rồi thoát ra sông Cẩm.

- Mạng lưới đường ống: Sử dụng kết hợp cống tròn từ D600mm ÷ D2000mm và cống hộp từ 1,2mx1,2m ÷ 2,5mx2,0m.

- Các công trình đầu mối: 02 trạm bơm cưỡng bức tại 02 cống ngăn triều.

- Công trình phòng chống thiên tai: Đường đê Tả sông Cẩm (đoạn Km 23+000 đến Km 25+000) cao trình +2,6 (cao độ lục địa), xây dựng tường chắn bê tông cốt thép đến cao trình +4,60m. Hồ điều hòa và hệ thống kênh thu nước mặt rộng 20,82ha.

5.2. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Giao thông đường thủy: Kết hợp hệ thống kè dọc sông Cẩm làm bến cập thuyền du lịch nhằm phục vụ du lịch cảnh quan ven sông Cẩm.

- Giao thông đường bộ: Mở rộng Tỉnh lộ 359 (mặt cắt 2-2) có lộ giới $B=50,5\text{m}$, trong đó: Lòng đường rộng $2 \times (11,25\text{m} + 6\text{m}) = 34,5\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$; dải phân cách rộng $4\text{m} + 2 \times 1 = 4\text{m}$.

b) Mạng lưới giao thông:

- Đường mặt cắt 1-1 (đường trục chính Đông Tây và Bắc Nam) có lộ giới $B=90\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $6 \times 3,75\text{m} + 2 \times 8,0\text{m} = 38,5\text{m}$; làn xe buýt nhanh BRT rộng $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; vỉa hè và đường xe đạp rộng $2 \times 12,0\text{m} = 24\text{m}$; dải phân cách rộng $2 \times 5,0\text{m} + 6,0\text{m} = 16,0\text{m}$; dải an toàn rộng $4 \times 0,5\text{m} + 2 \times 1,0\text{m} = 4\text{m}$.

- Đường mặt cắt 1.1-1.1 (đường chân cầu Hoàng Văn Thụ) có lộ giới $B=55\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$; đường dẫn cầu Hoàng Văn Thụ rộng 24m ; vỉa hè rộng $2 \times 7 = 14\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 1,0\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 3\text{m}$.

- Đường mặt cắt 3-3 (đường khu vực) có lộ giới $B=45,0\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $6 \times 3,5\text{m} = 21\text{m}$; dải phân giữa và vạch sơn rộng $2,0\text{m} + 2 \times 0,25\text{m} = 2,5\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 0,75\text{m} = 1,5\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 10\text{m} = 20\text{m}$.

- Đường mặt cắt 4-4 (đường khu vực vào hầm tuynel đi Dài trung tâm thành phố) có lộ giới $B=59,0\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} + 6 \times 3,5\text{m} = 35\text{m}$; dải phân cách giữa rộng $2,0\text{m}$; lề đường rộng $4 \times 0,5\text{m} + 2 \times 1\text{m} = 4,0\text{m}$; vỉa hè rộng $4 \times 4,5\text{m} = 18\text{m}$.

- Đường mặt cắt 5-5 (đường phân khu vực) có lộ giới $B=36\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $6 \times 3,5\text{m} = 21\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$; dải phân cách rộng 2m ; lề đường rộng $2 \times 1,5\text{m} = 3\text{m}$.

- Đường mặt cắt 6-6 (đường phân khu vực) có lộ giới $B=30\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$; dải phân cách rộng 2m ; lề đường rộng $2 \times 2\text{m} = 4\text{m}$.

- Đường mặt cắt 6.1-6.1 (đường trên mặt đê sông Cẩm) có lộ giới $B=30\text{m}$, tường chắn và lề đất $5,5\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$; dải phân cách rộng 2m ; lề đường rộng $2 \times 2\text{m} = 4\text{m}$; tường chắn rộng $0,5\text{m}$; lề đất sau tường chắn $5,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt 6.2-6.2 (đường phân khu vực) có lộ giới $B=25\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$.

- Đường mặt cắt 7-7 (đường Hoàng Văn Thụ) có lộ giới $B=31\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $6 \times 3\text{m} = 18\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 1,5\text{m} = 3\text{m}$.

- Đường mặt cắt 8-8 (đường Nguyễn Tri Phương) có lộ giới $B=19,5\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $3 \times 3,5\text{m} = 10,5\text{m}$; vỉa hè rộng $2,5 + 5 = 7,5\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 0,75\text{m} = 1,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt 9-9 (đường nội bộ) có lộ giới $B=22\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $3 \times 3,5\text{m}=10,5\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5\text{m}=10\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt 10-10 (đường nội bộ) có lộ giới $B=16,5\text{m}$, trong đó: Làn xe cơ giới rộng $2 \times 3,5\text{m}=7\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 4=8\text{m}$; dải phân cách rộng $0,5\text{m}$; lề đường rộng $2 \times 0,5\text{m}=1\text{m}$.

c) Tổ chức nút giao thông:

- 04 nút giao khác mức: giữa tỉnh lộ 359 với đường phố chính Đông Tây, giữa tỉnh lộ 359 với đường khu vực, giữa đường dẫn phía Bắc cầu Hoàng Văn Thụ với đường đê ven sông Cẩm, giữa cầu dẫn phía Nam cầu Hoàng Văn Thụ với đường ven sông Cẩm.

- Các nút giao cùng mức khác gồm 3 dạng: nút đơn giản, nút giao kênh hóa và nút hình xuyên.

d) Tổ chức hệ thống cầu, hầm:

- Cầu Bình giữ nguyên quy mô hiện hữu.

- Cầu Hoàng Văn Thụ (kết nối đường Hoàng Văn Thụ với đường phố chính Bắc Nam): Tĩnh không $H=25,0\text{m}$; bề rộng $B=33,5\text{m}$; hình thức theo phương án kiến trúc được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.

- Quy hoạch điểm chờ để xây dựng hầm Tuynel từ đường khu vực Bắc Nam kết nối sang Trung tâm đô thị cũ (giải pháp kết nối cụ thể phía Trung tâm đô thị cũ sẽ được nghiên cứu theo dự án riêng).

- Bố trí 05 cầu vượt và 06 hầm chui cho người đi bộ.

e) Giao thông công cộng: Kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị, xe buýt thông thường và xe buýt nhanh BRT.

f) Bãi đỗ xe:

- 03 bãi đỗ xe ngoài trời với tổng diện tích là $4,22\text{ha}$.

- 04 bãi đỗ xe ngầm với diện tích là $6,73\text{ha}$.

g) Giao thông thông minh, thân thiện với môi trường:

- Bố trí trung tâm có hệ thống kiểm soát giao thông toàn diện thông qua đường cáp quang và thông tin vô tuyến.

- Bố trí riêng làn đường dành cho người đi xe đạp với bề rộng $B=3\text{m}$ trên vỉa hè tại các đường phố chính.

5.3. Cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước đô thị trung bình $Q_{tb}=17.31\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Nhu cầu ngày lớn nhất khi có cháy $Q_{max}=22.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Nguồn nước: Nhà máy nước Ngũ Lão công suất 290.000m³/ngày (đang xây dựng) và nhà máy nước An Dương công suất 200.00m³/ngày thông qua trạm bơm tăng áp Tân Dương.

- Công trình đầu mối: 01 trạm bơm tăng áp tại xã Tân Dương công suất 25.000m³/ngày, diện tích 5.000m².

- Mạng lưới đường ống: Đường ống chính mạng vòng có đường kính từ Ø110 đến Ø500mm, kết hợp cấp nước chữa cháy.

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy: Đặt các trụ cứu hỏa trên mạng lưới đường ống cấp nước có đường kính từ Ø110 trở lên, khoảng cách giữa các trụ khoảng 150m; các trụ cứu hỏa đặt trên vỉa hè gần các ngã 3, ngã 4 để thuận tiện cho việc lấy nước.

5.4. Cấp điện:

- Công suất tính toán: P= 164.822,9kW.

- Công suất toàn phần: Stt= 156.097,0kVA.

- Nguồn điện: Lấy từ trạm biến áp 220/110kV Thùy Nguyên.

- Lưới điện: Lưới điện cao thế 110kV ngầm cấp cho Trạm biến áp 110/22kV; lưới trung thế 22kV ngầm được thiết kế theo dạng mạch vòng kín, vận hành hở đầu ghép vào các tủ RMU và RTU.

- Công trình đầu mối: 01 Trạm biến áp 110/22kV công suất 3x63MVA cấp điện 22/0,4kV đến 39 tủ RMU và RTU (vị trí các Trạm biến áp sẽ được xác định trong từng công trình cụ thể).

- Chiếu sáng: Nguồn điện từ 08 trạm biến áp chiếu sáng 22/0,4kV-50kVA, lưới chiếu sáng đường được cung cấp bởi một tuyến cáp ngầm riêng 0,4kV theo hệ thống chiếu sáng dọc đường. Chiếu sáng đường bằng đèn cao áp, điều khiển đóng ngắt bằng hệ thống chiếu sáng tự động theo thời gian.

5.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Khối lượng nước thải phát sinh: Q=21,500m³/ngày đêm;

- Nguyên tắc: Hệ thống thu nước thải được tách riêng hoàn toàn.

- Phương án thoát nước: Đường cống theo nguyên tắc tự chảy, kết hợp với trạm bơm; nước thải phải được thu gom triệt để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Mạng lưới đường cống: Cống BTCT đường kính từ D400÷D1000 đi ngầm dưới vỉa hè; bố trí giếng thăm với khoảng cách từ 20m÷60m.

- Công trình đầu mối: 01 nhà máy xử lý nước thải đặt tại cuối lưu vực, diện tích 3,9ha (bao gồm cả diện tích cây xanh cách ly), công suất Q= 21.500m³/ngày đêm, xây dựng ngầm và kín; 05 trạm bơm chuyển bậc.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh: 62,44tấn/ngđ;
- Rác thải được phân loại ngay tại nguồn phát sinh, bố trí thùng rác công cộng ở nơi tập trung đông người, khu vực công cộng và dọc các trục đường phố;
- Rác thải được thu gom 100%, rác thải không độc hại được vận chuyển đến Khu xử lý rác thải tập trung Gia Minh - Thủy Nguyên, rác thải độc hại đưa về khu xử lý rác thải độc hại của thành phố;
- Nhà vệ sinh công cộng: 19 nhà vệ sinh loại 1 theo QCVN 07-9:2014/BXD bố trí trên các trục phố chính, khu thương mại, nơi sinh hoạt công cộng...

c) Nghĩa trang:

Đóng cửa và trồng cây xanh cách ly nghĩa trang Bến Bính, di chuyển các mộ và nghĩa trang nhỏ lẻ đến nghĩa trang tập trung của huyện hoặc nghĩa trang tập trung của thành phố.

5.6. Thông tin liên lạc:

- Toàn bộ lưới thông tin trong phạm vi quy hoạch được thiết kế ngầm đi chung hào cáp kỹ thuật khác.
- Bố trí một trung tâm thông tin và đầu nối tổng cho toàn bộ khu đô thị.
- Đầu tư lắp đặt hệ thống chuyển mạch tại các vùng trọng điểm như Trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ.
- Phát triển mạng thế hệ mới NGN (mạng thoại PSNT - mạng không dây - mạng INTERNET); mạng PSTN và mạng số liệu sẽ phát triển theo hướng hội tụ về mạng NGN; Công nghệ thông tin di động 4G.

5.7. Quy hoạch không gian hạ tầng kỹ thuật ngầm:

- Bố trí 04 bãi đỗ ngầm dưới khu vực quảng trường;
- Hào kỹ thuật được bố trí dọc trục chính Đông - Tây, Bắc - Nam;
- Các loại hố ga kỹ thuật được bố trí trên các trục đường còn lại.

5.8. Môi trường chiến lược:

- Nội dung cụ thể tại đồ án quy hoạch.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan và tổ chức thực hiện:

- Sở Xây dựng, Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị chịu trách nhiệm về những nội dung nghiên cứu và tính toán kinh tế - kỹ thuật thể hiện trong hồ sơ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm được duyệt theo Quyết định này.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng và Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền phối hợp với Viện Quy hoạch, Sở Xây dựng và các cơ quan đơn vị, liên quan công bố công khai Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền; Giám đốc Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị và Thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD GT&CT, NN TN&MT, KT GS&TKT;
- CV: QH, GT, CT, NN, TL, XD, ĐC2, ĐC3;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Tùng